

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2025

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải.

Bà Vũ Thị Diệu Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã MH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17/ 01/ 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị T, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*).

* ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố CH, phường BYN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Cháu Nguyễn Mai LĐ, sinh ngày 11/12/2017 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố CH, phường BYN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đan: Anh Nguyễn Đình Đ và chị Mai Thị T (*Đều vắng mặt*).

* ***Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Đình Hùng, sinh năm 1977 (*Vắng mặt*).

2. Bà Vũ Thị Đông, sinh năm 1956 (*Vắng mặt*).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Văn Nhuế, phường BYN, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Vũ Thị Khuya, sinh năm 1966 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Phù Liễu, xã Lê Xá, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Đ đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn BYN, huyện MH (nay là phường BYN, thị xã MH), tỉnh Hưng Yên ngày 29/11/2016 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống bình thường tại thôn CH, thị trấn BYN (nay là Tổ dân phố CH, phường BYN). Vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, rồi mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 5 năm 2023 nhưng vẫn sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống; anh Đ thường xuyên chơi bời, tụ tập, không chịu khó làm ăn, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng. Do không thể tìm được tiếng nói chung nên vào đầu tháng 8 năm 2024 chị đi về nhà bố mẹ đẻ ở, chị đã làm đơn ly hôn tại tòa án nhân dân thị xã MH nhưng sau đó được tòa án phân tích, giải thích thì chị đã suy nghĩ lại, cho anh Đ thêm cơ hội để thay đổi cách sống, cách suy nghĩ và rút đơn khởi kiện, tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ đó đến nay, phía anh Đ không thay đổi. Cả hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng T cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung và đều xác định không thể đoàn tụ được. Nay chị xác định cuộc sống không hạnh phúc, T cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn. Vợ chồng không thể cùng nhau vun vén xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

2. Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai LĐ, sinh ngày 11/12/2017 và chị không có thai nghén gì thêm. Hiện tại, cháu Đan đang ở cùng với chị tại nhà ông bà ngoại và hai mẹ con luôn luôn được sự hỗ trợ của ông, bà ngoại. Đối với anh Đ hiện tại đang đi làm việc theo công trình, còn chị trước đó làm việc tại Công ty TNHH Youngone Hưng Yên tại Kim Động và hiện tại chị đang làm việc tại Công ty Brother, với mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/ tháng nên đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Hiện tại cháu Đan đang ở với chị và là con gái nên cháu tiếp tục ở với chị là phù hợp. Hơn nữa, giữa chị và anh Đ có nói chuyện qua điện thoại là nhất trí để cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đan đến khi thành niên và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đan đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Vì vậy, khi ly hôn chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình Đ: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ

vắng mặt không có lý do nên không lấy được trực tiếp lời khai của anh Đ.

* Quan điểm của người làm chứng:

Anh Nguyễn Đình Hùng (*là anh trai anh Đ*) trình bày: Việc chị T làm đơn ly hôn với anh Đ. Anh Đ nói cho tôi biết, vợ chồng muốn bỏ nhau, xong là vợ anh Đ làm đơn ra Tòa. Sau đó anh Đ ký, xong là anh Đ không ra Tòa làm việc. Gia đình đã khuyên bảo nhưng anh chị không nghe vẫn quyết định chia tay.

Bà Vũ Thị Đông (*là mẹ đẻ của anh Đ*) trình bày: Anh Đ đã biết rõ việc chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã MH. Anh Đ đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Đ đang đi công tác nên không đến Tòa án làm việc được. Anh Đ nói với bà là đã đồng ý, nhất trí rồi, còn chị T cứ làm thôi. Bà khuyên bảo anh chị bỏ qua mâu thuẫn nhưng không được. Giữa bà và vợ chồng anh Đ không liên quan gì về tài sản, nợ, công sức nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt nguyên đơn là chị Mai Thị T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và vắng mặt người làm chứng.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn chị Mai Thị T và tóm tắt nội dung khởi kiện của chị T và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị T, giải quyết cho chị T ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai LD, sinh ngày 11/12/2017 cho chị Mai Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng; Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các bên có yêu cầu mà có căn cứ sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Đình Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BYN (*nay là thị xã MH*), tỉnh Hưng Yên ngày 29/11/2016 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Mai Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Đ có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại Tổ dân phố CH, phường BYN, thị xã MH nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị T (có đơn xin giải quyết vắng mặt); vắng mặt bị đơn anh Đ lần thứ hai không có lý do; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu Đan; vắng mặt người làm chứng là anh Hùng, bà Đông và bà Khuya nhưng đều đã có lời khai đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Mai Thị T, bà Vũ Thị Đông và anh Nguyễn Đình Hùng đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8 năm 2024 và ly thân từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, cãi vã. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng T cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn đang ly thân nhau. Nay chị T xác định, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng và đến nay hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đối với anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm việc, buông xuôi, bỏ mặc cuộc hôn nhân mà không có biện pháp để hàn gắn T cảm vợ chồng. Tất cả những điều trên đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của chị T và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai LĐ, sinh ngày 11/12/2017. Xét quan điểm của chị T được nuôi dưỡng cháu Đan thì thấy: Chị T hiện tại có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định. Đối với cháu Đan, hiện tại cháu đang ở với chị T và cũng có nguyện vọng ở với chị T. Đối với anh Đ hiện tại đi làm

việc theo công trình nên về thời gian chăm sóc cháu Đan bị hạn chế. Mặt khác, cháu Đan là cháu gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Chị T nuôi dưỡng cháu Đan luôn luôn được sự hỗ trợ của mẹ để là bà Khuya nên việc chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đan là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho cháu Đan. Vì vậy, sẽ giao cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản, về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Còn anh Đ không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có căn cứ và yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai LĐ, sinh ngày 11/12/2017 cho chị Mai Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003471 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH, tỉnh Hưng Yên. Chị Mai Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã MH;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- Phòng KTNV và THA - Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường BYN;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Quốc Huy